

CHƯƠNG 17

अथैवमादेशिततत्त्वमार्गो नन्दस्तदा प्रातर्विमोक्षमार्गः ।

सर्वेण भावेन गुरौ प्रणम्य क्लेशप्रहाणाय वनं जगाम ॥ १ ॥

Sau khi được giảng giải như thế về con đường chân lý, Nanda, giờ đây đã hiểu thêm về đạo-lộ giải thoát, rồi với tất cả lòng thành đã đánh lễ Bậc Đạo-sư và đi vào rừng để đoạn trừ những điều ô nhiễm. (1)

तत्रावकाशं मृदुनीलशय्यं ददर्श शान्तं तरुषण्डवन्तं ।

निःशब्दया निष्प्रगायोपमूर्द्ध वैदूर्यनीलोदकया वहन्त्या ॥ २ ॥

Trong rừng, Nanda tìm ra một khu vực yên tĩnh với những lùm cây và bãi cỏ mềm mại xanh rờn, có giòng suối êm ả chảy vòng quanh với làn nước màu xanh như ngọc thạch. (2)

स पादयोस्तत्र विधाय शौचं शुचौ शिवे श्रीमति वृक्षमूले ।

मीक्षाय बद्ध्वा व्यवसायकक्षां पर्यङ्कमद्भावाहितं बबन्ध ॥ ३ ॥

Ở nơi ấy, bên cạnh một thân cây sáo sũa, thoáng mát, và hùng vĩ, sau khi rửa sạch đôi bàn chân và xác quyết ý định vưng chái nhắm mục đích giải thoát, Nanda đã ngồi xuống xếp có thế theo tư thế kiết già. (3)

ऋतुं समग्रं प्रणिधाय कार्यं काये स्मृतिं चाभिमुखी विधाय ।

सर्वेन्द्रियाण्यात्मनि संनिधाय स तत्र योगं प्रयतः प्रपेदे ॥ ४ ॥

Ở nơi ấy, Nanda, sau khi đã kèm giữ toàn bộ thân hình được ngay thẳng, đã an trú sự ghi nhận (niệm) ở trên thân luôn được liên tục. Và với quyết tâm, sau khi đã kèm được các giác quan hướng nội, Nanda đã đạt được sự tiến bộ trong thiền định. (4)

ततः स तत्त्वं निखिलं चिकीर्षुर्मोक्षानुकूलंश्च विधीश्चिकीर्षन् ।

ज्ञानेन लोक्येन शमेन चैव चचार चेतःपरिकर्मभूमौ ॥ ५ ॥

Sau đó, với lòng mong mỏi hiểu được bản thể của sự thật một cách trọn vẹn đồng thời thực hành phương pháp đưa đến giải thoát, Nanda, với trí tuệ phạm nhân và nội tâm an ổn, đã trải qua tiến trình thanh lọc của tâm thức. (5)

संघाय धैर्यं प्रणिधाय बीर्यं व्यपोह्य सक्तिं परिगृह्य शक्तिं ।

प्रशान्तचेता नियमस्थचेताः स्वस्थस्ततोऽभूद्विषयेष्वनास्थः ॥ ६ ॥

Sau khi đã xác định ý chí cương quyết, phát huy sự tinh cần, dứt bỏ sự ràng buộc, và biết được khả năng mình, thêm vào đó tâm đã được an tịnh và đã trú vào sự thu thúc, nên Nanda có được sự tự tại và đã không còn nghĩ đến những hiện tượng của thế gian nữa. (6)

आतसबुद्धेः प्रहितात्मनोऽपि स्वभ्यस्तभावादथ कामसंज्ञा ।

पर्याकुलं तस्य मनश्चकार प्रावृट्सु विद्युज्जलमागतेव ॥ ७ ॥

Một điều nội tâm đang phẫn khởi và ý chí đã được nung nấu, nhưng những hồi tưởng về tình dục do thói

quen tích lũy đã làm cho tâm của Nanda trở nên rối loạn; tướng tợ như tia sét xuất hiện vào mùa mưa làm khuấy động làn nước. (7)

स पर्यस्थानमवेत्य सद्यश्चिक्षेप तां धर्मविघातकर्त्री ।

प्रियामपि क्रोधपरीतचेता नारीमिवोद्धतगुणां मनस्वी ॥ ८ ॥

Nanda đã nhận ra sự xáo trộn ấy của tâm và ngay lập tức xua đuổi tư tưởng ấy đi, vì đó là hiện tượng phá hoại pháp môn tu tập; tướng tợ như người đàn ông, có ý tứ và tâm trí đang bị cơn thịnh nộ xâm chiếm, liền đuổi đi người đàn bà chỉ vì bản tính rầy rà của nàng, cho dù đó là người yêu. (8)

आरब्धवीर्यस्य मनःशमाय भूयस्तु तस्याकुशलो वितर्कः ।

व्याधिप्रणाशाय निविष्टबुद्धेरुपद्रवो घोर इवाजगाम ॥ ९ ॥

Trong lúc Nanda đang nỗ lực đưa tâm trở về trạng thái an tĩnh, một sự hồi tưởng không tốt đẹp lại xâm chiếm tâm thức chàng lần nữa; tướng tợ như một người có chủ tâm trị lành cơn bệnh, đột nhiên bị một cơn đau dữ dội hành hạ. (9)

स तद्विघाताय निमित्तमन्ययोगानुकूलं कुशलं प्रपेदे ।

आर्तायनं क्षीणबलो बलस्थं निरस्यमानो बलिनारिणेव ॥ १० ॥

Nhằm tiêu diệt tư tưởng ấy, Nanda liền chú tâm đến một đề mục khác tốt đẹp và phù hợp với sự tu tập thiền định; tướng tợ như một người trong lúc bị kẻ thù mạnh bạo uy hiếp, trở nên yếu thế, liền nhờ cậy đến đồng minh cũng đang bị uy hiếp, nhưng vẫn còn đầy đủ sức mạnh. (10)

पुरं विधायानुविधाय दण्डं मित्राणि संगृह्य रिपून्विगृह्य ।

राजा यथाप्रोति हि गामपूर्वा नीतिर्मुमुक्षोरपि सैव योगे ॥ ११ ॥

Bởi vì, khi một vị vua chiếm hữu được một vùng đất mới liền kiến thiết đô thị, quy định luật lệ, liên kết đồng minh, và áp đảo quân thù; phương thức tướng tộ như thế cũng được áp dụng trong sự tu tập thiền định đối với người muốn được giải thoát. (11)

विमोक्षकामस्य हि योगिनोऽपि मनः पुरं ज्ञानविधिश्च दण्डः ।

गुणाश्च मित्राण्यरयश्च दोषा भूमिर्विमुक्तियन्तते यदर्थं ॥ १२ ॥

Bởi vì, đối với một người tu tập thiền định cầu mong giải thoát, tâm vị ấy được ví như đô thị, sự hướng dẫn của trí tuệ ví như luật lệ đô quy định, giải hạnh ví như đồng minh, những sự ô nhiễm ví như quân địch, và vùng đất ví như sự giải thoát, đó chính là mục đích người ấy theo đuổi. (12)

स दुःखजालान्महतो मुमुक्षुर्विमोक्षमार्गाधिगमे विविधुः ।

पन्थानमार्थं परमं दिदृक्षुः शर्म ययौ किञ्चिदुपात्तचक्षुः ॥ १३ ॥

Với lòng mong mỏi thoát khỏi mạng lưới lớn lao của sự khổ đau, mong mỏi dự phần thành đạt của đạo lộ giải thoát, đồng thời mong mỏi chứng ngộ đạo-lộ cao quý tối thượng, Nanda đã đạt đến sự an tịnh và có được nhận quan một phần nào thành tựu. (13)

यः स्यान्निकेतस्तमसोऽनिकेतः श्रुत्वापि तत्त्वं स भवेत्प्रमत्तः ।

यस्मात्तु मोक्षाय स पात्रभूतस्तस्मान्मनः स्वात्मनि संजहार ॥ १४ ॥

Một vị tỷ khưu, tuy đã được học hỏi về bản thể của sự thật, vẫn có thể bị rơi vào trạng thái mê mờ vì lỗ đảnh. Nhưng Nanda, bởi vì đã ở vào thời điểm để thành tựu sự giải thoát, nên chàng đã tập trung được tâm ý ngay ở trong bản thân của chính mình. (14)

संभारतः प्रत्ययतः स्वभावादास्वादतो दोषविशेषतश्च ।

अथात्मवान्निःसरणात्मकश्च धर्मेषु चक्रे विधिवत्परीक्षां ॥ १५ ॥

Với sự tự chủ bản thân và tâm trí hướng đến sự thoát ly, Nanda đã suy xét kỹ lưỡng theo tính tự bản thể của các pháp thế gian từ điểm khởi đầu, nguyên nhân sanh khởi, bản chất của chúng, khả năng lôi cuốn, và những đặc điểm xấu xa của chúng nữa. (15)

स रूपिणं कृत्स्नमरूपिणं च सारं दिदृक्षुर्विचिकायं कार्यं ।

अथाशुचिं दुःखमनित्यमस्वं निरात्मकं चैव चिकायं कार्यं ॥ १६ ॥

Với lòng mong mỏi nhận thức được toàn bộ các thành phần về vật chất lẫn tinh thần của thân xác này nên Nanda đã chú tâm trên phần có thể, và chàng đã nhận thức được thân xác này là bất tịnh, là khổ đau, là vô thường, là vô ngã, và không có sở hữu chủ. (16)

अनित्यतस्तत्र हि शून्यतश्च निरात्मतो दुःखत एव चापि ।

मार्गप्रवेक्षेण स लौकिकेन श्लेशद्रुमं संचलयाम्बकार ॥ १७ ॥

Bởi vì khi hiểu được thân xác này không có tính chất vĩnh viễn, là rỗng không, vô sở hữu chủ, và lại có tính chất khổ đau nữa, nên Nanda đã làm lay động đến tận gốc rễ của những điều ô nhiễm nhờ vào đạo-lộ tối thượng thuộc về thế gian này. (17)

यस्माद्भूत्वा भवतीह सर्वं भूत्वा च भूयो न भवत्यवश्यं ।

सहेतुकं च क्षयिहेतुमच तस्मादनित्यं जगदित्यविन्दत् ॥ १८ ॥

Bởi vì trong thế gian này, điều hiển nhiên là tất cả các hiện tượng từ chỗ không đi đến có, rồi từ chỗ hiện hữu trở thành không còn hiện hữu nữa. Tất cả đều có nhân sanh lên và nhân hoại diệt. Do đó, Nanda đã hiểu được rằng: “Thế gian này là vô thường.” (18)

यतः प्रसूतस्य च कर्मयोगः प्रसज्यते बन्धविद्यातहेतुः ।

दुःखप्रतीकारविधौ सुखाख्ये ततो भवं दुःखमिति व्यपश्यत् ॥ १९ ॥

Bởi vì, do nghiệp lực mà một người được sanh ra, khi được sanh ra thì việc gắn bó với nghiệp lại càng bị trói buộc chặt chẽ hơn nữa; đó chính là nguyên nhân của sự trói buộc và sự hoại diệt. Trong phương thức đối trị sự khổ đau, có một trạng thái được gọi tên là an lạc; nhờ vào đó, Nanda đã thấy rõ rằng: “Sự sanh ra là khổ đau.” (19)

यतश्च संस्कारगतं विविक्तं न कारकः कश्चन वेदको वा ।

सामग्र्यतः संभवति प्रवृत्तिः शून्यं ततो लोकमिमं ददर्श ॥ २० ॥

Và bởi vì sự vận hành của vấn đề luân hồi là một tiến trình độc biệt, không do một vật gì hoặc không một ai làm việc ấy, và không ai biết được; tiến trình ấy được sanh lên từ một tổng thể. Từ đó, Nanda hiểu được rằng: “Thế gian này là rỗng không.” (20)

यस्मान्निरीहं जगदस्वतन्त्रं नैश्वर्यमेकः कुरुते क्रियासु ।

तत्तत्प्रतीत्य प्रभवन्ति भावा निरात्मकं तेन विवेद लोकं ॥ २१ ॥

Bởi vì tiến trình luân hồi không phải do ước muốn, không lệ thuộc vào cá nhân nào, và không một vị chúa tể nào điều khiển các sự vận hành ấy. Sau khi được hội tụ nhân này điều kiện nọ mà chúng sanh được sanh lên; nhờ vậy, Nanda biết được: “Thế gian này là vô ngã.” (21)

ततः स वार्तं व्यजनादिवोष्णे काष्ठाश्रितं निर्मथनादिवाग्निं ।

अन्तःक्षितिस्थं खननादिवाम्भो लोकोत्तरं वर्त्म दुरापमाप ॥ २२ ॥

Sau đó, Nanda đã thành tựu đạo-lộ tối thượng và khó thành đạt của thế gian; tương tự như người được hưởng gió mát nhờ ra sức quạt, có được ngọn lửa tiềm tàng trong gỗ nhờ vào sức cọ xát, có được nguồn nước ẩn trong lòng đất nhờ sự đào bới. (22)

सज्ज्ञानचापः स्मृतिवर्मं बद्ध्वा विशुद्धशीलव्रतवाहनस्थः ।

क्लेशारिभिश्चित्तरणाजिरस्थैः सार्धं युयुत्सुर्विजयाय तस्थौ ॥ २३ ॥

Với cây cung là trí tuệ, sau khi buộc chặt áo giáp là sự ghi nhớ (niệm), đứng trên cỗ xe là giới hạnh đã thọ trì được trong sạch, sẵn sàng giao chiến với những kẻ thù là các sự ô nhiễm, ô bại chiến trường là tâm thức, Nanda đã vững vàng tiến lên để giành thắng lợi. (23)

ततः स बोध्यज्ञशितात्तशस्त्रः सम्यक्प्रधानोत्तमवाहनस्थः ।

मार्गाङ्गमातवता बलेन शनैः शनैः क्लेशचर्मं जगाहे ॥ २४ ॥

Sau đó, với vũ khí đã được mài bén là các chi phần đưa đến giác ngộ*, đứng trên cỗ xe tuyệt hảo là sự nỗ lực đúng đắn, với sức mạnh của đàn voi là các chi phần của đạo-lộ*, Nanda đã tiến thật nhanh vào đám quân binh là sự ô nhiễm. (24)

स स्मृत्युपस्थानमयैः पृथक्कैः शत्रुन्विपर्यासमयान् क्षणेन ।

दुःखस्य हेतुश्चतुरश्चतुर्भिः स्वैः स्वैः प्रचारायतनैर्ददार ॥ २५ ॥

Với những mũi tên được làm bằng bốn nơi để an trú sự ghi nhận, Nanda đã nhanh chóng đánh tan lũ quân thù là bốn sự hiểu biết sai quấy và là nguyên nhân của sự khổ đau, nhờ vào sự tiến hành theo từng đôi một của giác quan và cảnh ghi nhận bởi giác quan ấy*. (25)

आर्यैर्बलैः पञ्चभिरेव पञ्च चेतःखिलान्यप्रतिमैर्बभञ्ज ।

मिथ्याङ्गनाश्च तथाङ्गनागैर्विनिर्मुखावाहभिरेव सोऽष्टौ ॥ २६ ॥

Nhờ vào năm sức mạnh (ngũ lực)* cao quý không gì sánh bằng, Nanda đã bẻ gãy năm chuỗi ngai của tâm*; và tướng tợ như thế, chàng làm lay động tám con voi của những chi phần sai quấy nhờ vào tám con voi của tám chi phần (của Thánh-đạo). (26)

अथात्मदृष्टिं सकलां विधूय चतुर्षु सत्येष्वकथ्यकथः सन् ।

विशुद्धशीलव्रतदृष्टधर्मा धर्मस्य पूर्वा फलभूमिमाप ॥ २७ ॥

Rồi sau khi đã làm lay động toàn bộ quan điểm về bản ngã, đồng thời không còn nghi ngờ gì về Bốn Sự-thật, Nanda đã chứng đạt quả vị đầu tiên của Giáo-pháp và có được quan điểm đúng đắn về sự thọ trì giới luật cho được trong sạch. (27)

स दर्शनादार्यचतुष्टयस्य क्लेशैकदेशस्य च विप्रयोगात् ।

प्रत्यात्मिकाद्यापि विशेषलाभात्प्रत्यक्षतो ज्ञानिसुखस्य चैव ॥ २८ ॥

Nhờ vào sự thấy biết về Bốn Điều Cao-thượng, nhờ vào sự đoạn tuyệt một phần của các sự ô nhiễm, đồng thời

nhờ vào sự chứng đạt độc biệt của cá nhân, đồng thời nhờ vào sự hiểu biết tận tường về sự an lạc trong việc thành tựu trí kiến. (28)

दादृष्टात्प्रसादस्य धृतेः स्थिरत्वात्सत्येष्वसंमूढतया चतुर्थः ।

शीलस्य चाच्छिद्रतयोत्तमस्य निःसंशयो धर्मविधौ बभूव ॥ २९ ॥

Nhờ vào sự kiên cố của đức tin, nhờ vào sự bền vững của lòng kiên định, nhờ vào sự không còn một chút lẩn lẩn về Bốn Sự-thật, và nhờ vào sự không bị bợn nhơ trong giới luật tối thượng, cho nên Nanda đã không còn nghi ngờ gì về phương thức tu tập ở trong Giáo-pháp nữa. (29)

कुदृष्टिजालेन स विप्रयुक्तो लोकं तथाभूतमवेक्षमाणः ।

ज्ञानाश्रया प्रीतिमुपाजगाम भूयः प्रसादं च गुराविधाय ॥ ३० ॥

Do không còn bị vướng mắc vào mạng lưới của trí kiến sai trái, và có được nhận thức về bản thể thật sự của thế gian, cho nên Nanda đã đạt đến niềm hoan hỷ đặt trên nền tảng là trí tuệ và càng tăng thêm niềm tin trong sạch đối với Bậc Đạo-sư. (30)

यो हि प्रवृत्तिं नियतामयैति नैवान्यदेतोरिह नाप्यदेतोः ।

प्रतीत्य तत्तत्समयैति तत्तत्स नैष्ठिकं पश्यति धर्ममार्यं ॥ ३१ ॥

Bởi vì, người nào nhận thức được sự vận hành có tính chất quyết định ở thế gian này không phải được gây nên từ một nguyên nhân nào khác, hoặc không phải là không có một nguyên nhân sanh khởi, người ấy đã nhận thức được bản chất tối hậu của Giáo-pháp cao thượng. (31)

शान्तं शिवं निर्जरसं विरागं निःश्रेयसं पश्यति यश्च धर्मः ।

तस्योपदेशमथार्यवर्य स प्रेक्षते बुद्धमवाप्तचक्षुः ॥ ३२ ॥

Và người nào nhận thức được Giáo-pháp là sự an tĩnh, thánh thiện, không bị biến hoại, thoát ly tham ái, tuyệt hảo, chính ngay khi đó, người ấy thành tựu được nhân quan và nhận biết rằng Đức Phật là vị thầy tuyệt đối cao thượng của họ. (32)

यथोपदेशेन शिवेन मुक्तो रोगादरोगो भिषजं कृतज्ञः ।

अनुस्मरन्पश्यति चित्तदृष्ट्या मैत्र्या च शास्त्रज्ञतया च तुष्टः ॥ ३३ ॥

Giống như một người được lành bệnh, trở nên khỏe mạnh nhờ vào phương thức chữa trị khéo léo, nên tỏ lòng biết ơn, luôn luôn ghi nhớ, kính trọng, và hoan hỷ với nét tử hòa cùng kiến thức y học của vị lương y. (33)

आर्येण मार्गेण तथैव मुक्तस्तथागतं तत्त्वविदार्यतत्त्वः ।

अनुस्मरन्पश्यति कायसाक्षी मैत्र्या च सर्वज्ञतया च तुष्टः ॥ ३४ ॥

Tương tự như thế ấy, Nanda được giải thoát nhờ vào đạo-lộ cao thượng, hiểu biết được chân lý, tự mình chứng ngộ được chân lý cao thượng, nên luôn luôn ghi nhớ, kính trọng, và hoan hỷ với nét tử hòa cùng trí tuệ hiểu biết toàn diện của Đấng Như Lai. (34)

स नाशकैर्दृष्टिगतैर्विमुक्तः पर्यन्तमालोक्य पुनर्भवस्य ।

भक्त्वा घृणां श्लेशविजृम्भितेषु मृत्योर्न तत्रास न दुर्गतिभ्यः ॥ ३५ ॥

Được thoát khỏi quan điểm về sự hoại diệt (Đoạn kiến), sau khi nhận thức được sự chấm dứt của sự tái sinh, và cảm thấy nhàm chán trong việc biểu hiện của những

sự ô nhiễm, Nanda đã không còn hoảng sợ về sự chết hoặc các cảnh giới khổ đau nữa. (35)

त्वक्स्त्राणुमेदोरुधिरास्थिमांसकेशादिनाध्यगणेन पूर्ण ।

ततः स कार्यं समवेक्षमाणः सारं विचिन्त्याप्यपि नोपलेभे ॥ ३६ ॥

Sau đó, Nanda đã nhận thức rõ rằng có thể này chỉ chứa đựng một tập hợp của những vật không được trong sạch như: da, gân, mỡ, máu, xương, thịt, lông, v.v... và sau khi quán xét đến bản chất, chàng không nhận thấy chút gì là tinh túy cả. (36)

स कामरागप्रतिषेधौ स्थिरात्मा तेनैव योगेन तनू चकार ।

कृत्वा महोरस्करनुस्तनू तौ प्राप द्वितीयं फलमार्यधर्मे ॥ ३७ ॥

Với nội tâm vững vàng và cũng chính nhờ loại thiền định ấy, Nanda đã giảm thiểu được lòng ái dục và sân hận. Sau khi đã giảm thiểu được hai điều ấy, Nanda, với thân hình và bộ ngực lực lưỡng, đã thành tựu được quả vị thứ hai (Tứ-đà-hàm) trong Giáo-pháp cao thượng. (37)

स लोभचापं परिकल्पबाणं रागं महावैरिणमल्पशेषं ।

कायस्वभावाधिगतैर्विभिद् योगायुधास्त्रैश्शुभापृषत्कैः ॥ ३८ ॥

Nhờ vào sự thấu suốt đến tận bản chất của thân xác này, rồi với cây cung làm vũ khí là thiền định, và mũi tên là đề mục bất tịnh, Nanda đã chế đỏi phần nhỏ nhoi còn lại của kẻ thù lớn mạnh là ái dục, có cây cung là lòng tham đắm và mũi tên là sự ảo tưởng. (38)

द्वेषायुधं क्रोधविकीर्णबाणं व्यापादमन्तःप्रसवं सप्लवं ।

मैत्रीपृषत्कैर्भूतितूणसंस्थैः क्षमाधनुज्याविस्तैर्जघान ॥ ३९ ॥

Chứa trong bao đựng tên ví như lòng kiên quyết, là những mũi tên ví như tâm tử ái, và được bắn ra bởi sợi dây giương cung ví như chí nhân nại. Nanda đã tiêu diệt được kẻ thù có vũ khí là sự ghét bỏ, và tên được bắn ra là cơn thịnh nộ tức là sự thù hận được nuôi dưỡng trong lòng. (39)

मूलान्यथ त्रीण्यशुभस्य वीरस्त्रिभिर्विमोक्षायतनैश्चकृत ।

चममुक्तस्थान्युत्तकामुंकांस्त्रीनीनिवारिस्त्रिभिरायसायैः ॥ ४० ॥

Và chàng dùng số đó tiêu diệt ba gốc rễ của bất thiện nhờ vào ba nền tảng của sự giải thoát; tương tự như việc một anh hùng, với ba mũi tên bọc thép, bắn chết ba kẻ thù đang nắm chặt những cây cung và dẫn đầu đám quân thù. (40)

स कामधातोः समतिक्रमाय पार्थिवग्रहास्तानभिभूय शत्रून् ।

योगादनागामिफलं प्रपद्य द्वारीव निर्वाणपुरस्य तस्यै ॥ ४१ ॥

Sau khi đã đánh bại những kẻ thù tụ tập ở phía sau nhằm vượt qua được bản chất của ái dục, và nhờ vào sự gần bó với việc tu tập cho nên Nanda đã đạt đến quả vị Bất Lai (A-na-hàm); có thể xem như Nanda đã đến đứng ở ngưỡng cửa của thành phố Niết-bàn. (41)

कामैर्विविक्तं मलिनैश्च धर्मेर्वितर्कवच्चापि विचारचच ।

विवेकजं प्रीतिसुखोपपन्नं ध्यानं ततः स प्रथमं प्रपेदे ॥ ४२ ॥

Sau đó, Nanda đã an trú vào tầng thiền thứ nhất (Sơ thiền), là trạng thái tách biệt khỏi hán dục tình và các ô nhiễm khác, có tính chất của sự bám víu (tầm) và sự suy xét (tú) ở trên đề mục thiền định, đồng thời còn có trạng thái hỷ lạc sanh lên một cách rõ rệt. (42)

कामाग्निदाहेन स विप्रमुक्तो हृद् पारं ध्यानसुखादवाप ।

सुखं विगाद्याप्स्विव धर्मोत्थितः प्राप्येव चार्थं विपुलं दरिद्रः ॥ ४३ ॥

Nanda đã được thoát khỏi sự thiêu đốt của ngọn lửa ái tình nhờ vào trạng thái an lạc của thiền định và thành tựu được trạng thái hoan hỷ tột độ; ví như một người bị bức bối bởi cơn nóng nực mới lao vào trong hồ nước, hoặc một người nghèo khó được thừa hưởng một tài sản khổng lồ. (43)

तत्रापि तद्धर्मगतान्वितकान् गुणगुणे च प्रसूतान्विचारान् ।

बुद्ध्वा मनःक्षोभकरानशान्तास्तद्विप्रयोगाय मतिं चकार ॥ ४४ ॥

Trong lúc đang an trú ở sơ thiền, Nanda nhận thức được rằng việc bám víu để nắm được đề mục, hoặc sự suy xét việc vận hành của nó làm cho tâm bị chao động và không được an tịnh, nên quyết định dứt bỏ hai trạng thái ấy (tức là Tầm và Từ). (44)

क्षोभं प्रकुर्वन्ति यथोर्मयो हि धीरप्रसन्नान्बुबहस्य सिन्धोः ।

एकाग्रभूतस्य तथोर्मिभूताश्चित्ताम्भसः क्षोभकरा वितर्काः ॥ ४५ ॥

Bởi vì, cũng giống như những làn sóng gây nên sự chao động của giòng sông đang trôi chảy với làn nước bình lặng và trong trẻo; tương tự như thế ấy, sự bám víu vào đề mục chính là những làn sóng gây nên sự chao động của giòng nước tâm thức đang ở vào trạng thái tập trung. (45)

सिन्नस्य सुप्तस्य च निर्वृतस्य बाधं यथा संजनयन्ति शब्दाः ।

अध्यात्ममैकाग्र्यमुपागतस्य भवन्ति बाधाय तथा वितर्काः ॥ ४६ ॥

Giống như những tiếng động gây nên sự quấy rầy đến một người bị mỏi mệt và đang ngủ say sưa; tương tự như thế, sự bám víu vào đề mục đem lại sự khuấy động đến người tu thiền với ý định đạt đến trạng thái tập trung có tính chất nội tại. (46)

अथावितर्क कमशोऽविचारमेकाग्रभावान्मनसः प्रसन्न ।

समाधिजं प्रीतिसुखं द्वितीयं ध्यानं तदाध्यात्मशिवं स दध्यौ ॥ ४७ ॥

Sau đó, sự bám víu (Tầm) và suy xét (Tủ) trên đề mục dần dần được lắng dịu, nhờ vào sự tập trung của tâm được tăng trưởng, cho nên Nanda đã đạt đến tầng thiền thứ hai, có trạng thái hoan hỷ và an lạc được sanh lên do thiền định, và là trạng thái tốt đẹp có tính chất nội tại. (47)

तद्व्यानमागम्य च वित्तमौनं लेभे परां प्रीतिमलब्धपूर्वा ।

प्रीतौ तु तत्रापि स दोषदर्शी यथा वितर्केष्वभवत्तथैव ॥ ४८ ॥

Và khi đã đạt đến tầng thiền ấy với sự tĩnh lặng của nội tâm, Nanda đã thành tựu một trạng thái hoan hỷ cao tột chưa từng đạt được trước đây. Nhưng cũng chính ở trong trạng thái đó, Nanda đã thấy ra được khuyết điểm của trạng thái hoan hỷ ấy, tương tự như việc chàng đã nhận thức được ở trạng thái bám víu vào đề mục trước đây vậy. (48)

प्रीतिः परा वस्तुनि यत्र यस्य विपर्ययात्तस्य हि तत्र दुःखं ।

प्रीतावतः प्रेक्ष्य स तत्र दोषान्प्रीतिक्षये योगमुपारोह ॥ ४९ ॥

Trong trường hợp một người có được trạng thái hoan hỷ quá độ vào một sự việc gì, trong trường hợp đó lại có

sự phản tác dụng; bởi vì trạng thái hoan hỷ quá độ đó sẽ gây khó chịu cho người ấy. Như thế, trong trường hợp của Nanda, chàng đã nhận thức được những điều bất lợi phát xuất từ trạng thái hoan hỷ, nên đã nỗ lực tu tập để đoạn trừ trạng thái hoan hỷ ấy. (49)

प्रीतेर्विरागात्सुखमार्यजुष्टं कायेन विन्दन्नथ संप्रजानन् ।

उपेक्षकः स स्मृतिमान्व्यहर्षीद्वेषानं तृतीयं प्रतिलभ्य धीरः ॥ ५० ॥

Rồi nhờ vào sự không còn thích thú trong trạng thái ấy nữa, nên Nanda đã phát hiện ra được trạng thái an lạc chỉ có ở các bậc Thánh nhân, với sự hoàn toàn giác tỉnh, có sự buông bỏ (xả), có sự ghi nhận (niệm) vững vàng, và chàng đã đạt đến và an trú ở tầng thiền thứ ba. (50)

यस्मात्परं तत्र सुखं सुखेभ्यस्ततः परं नास्ति सुखप्रवृत्तिः ।

तस्माद्द्वभाषे शुभकृत्स्नभूमिं परापरज्ञः परमेति मैत्र्या ॥ ५१ ॥

Bởi vì trạng thái an lạc ở mức ấy là cao nhất trong các trạng thái an lạc, và không có trạng thái nào vượt hơn trạng thái an lạc ấy; do đó, một người có sự hiểu biết cùng khắp các cõi gọi đó là cõi có được sự thanh tịnh toàn diện (cõi Vô-lượng-tịnh-thiền), là cõi cao nhất có thể đạt đến bởi đề mục Từ Tâm. (51)

ध्यानेऽपि तत्राय ददर्श दोषं मेने परं शान्तमनिञ्जमेव ।

आभोगतोऽपीञ्जयति स्म तस्य चित्तं प्रवृत्तं सुखमित्यजस्रं ॥ ५२ ॥

Cũng vào lúc ấy, Nanda đã nhận thấy khuyết điểm của tầng thiền ấy, và nghĩ rằng trạng thái an lạc này không thể nào bị chao động. Mặc dầu đang có sự thỏa thích,

nhưng sự an lạc vô bờ bến ấy được gia tăng đã làm cho tâm của Nanda bị chao động. (52)

यथेक्षितं स्पन्दितमस्ति तत्र यथास्ति च स्पन्दितमस्ति दुःखं ।

यस्मादतस्तत्सुखमिष्टत्वात्प्रशान्तिकामा यतयस्त्यजन्ति ॥ ५३ ॥

Nơi nào còn bị chao động nơi ấy còn bị kích động, và nơi nào còn bị kích động nơi ấy còn có khổ đau. Bởi thế cho nên, các vị ẩn-sĩ không còn vướng bận chuyện thế gian, có lòng mong muốn đạt được sự tuyệt đối an tịnh, đã từ bỏ trạng thái an lạc ấy bởi vì tính chất chao động của nó. (53)

अथ प्रहाणात्सुखदुःखयोश्च मनोविकारस्य च पूर्वमेव ।

दध्यावुपेक्षास्मृतिमद्विशुद्धं ध्यानं तथादुःखसुखं चतुर्थं ॥ ५४ ॥

Giờ đây, do sự từ bỏ cả hai trạng thái an lạc và khổ đau, luôn cả sự chao động của tâm trước đây nữa, cho nên Nanda đã đạt đến được tầng thiền thứ tư, có sự buông bỏ (xả), có sự ghi nhận (niệm), vô cùng thanh tịnh, đồng thời không còn sự an lạc và cũng không có khổ đau. (54)

यस्मात्तु तस्मिन्न सुखं न दुःखं ज्ञानं च तथास्ति तदर्थचारि ।

तस्मादुपेक्षास्मृतिपारिशुद्धिर्निरुच्यते ध्यानविधौ चतुर्थे ॥ ५५ ॥

Nhưng bởi vì trong tầng thiền ấy không còn sự an lạc và cũng không có khổ đau, và cũng chính ở tầng thiền ấy, trí tuệ đã hoàn thành mục đích của nó; cho nên, có sự giải thích rằng trong tiến trình ở tầng thiền thứ tư này có được sự trong sạch toàn diện nhờ vào sự buông bỏ (xả) và sự ghi nhận (niệm). (55)

ध्यानं स निश्चित्य ततश्चतुर्थमर्हत्त्वलाभाय मतिं चकार ।

संशय मैत्रं बलवन्तमार्यं राजेव देशानजितान् जिगीषुः ॥ ५६ ॥

Sau đó, dựa trên nền tảng của tầng thiền thứ tư này, Nanda đã hướng tâm đến việc thành tựu quả vị A-la-hán; tương tự như việc một vị quân vương, sau khi đã liên kết được đồng minh quý tộc và hùng mạnh, thời mong muốn chiếm cứ những lãnh thổ chưa được chiếm cứ. (56)

चिच्छेद् कात्स्नर्येन ततः स पञ्च प्रज्ञासिना भावनयेरितेन ।

ऊर्ध्वगमान्युत्तमबन्धानि संयोजनान्युत्तमबन्धानि ॥ ५७ ॥

Rồi nhờ vào thanh gươm trí tuệ đã được rèn luyện bởi thiền định, Nanda đã cắt đứt toàn bộ năm chuỗi ngai cuối cùng của việc tu tiến lên bậc trên, và năm chuỗi ngai cuối cùng* ấy tức là năm sự trói buộc. (57)

बोध्यङ्गानगैरपि सप्तभिः स सप्तैव चित्तानुशयान्ममर्द ।

द्वीपानिवोपस्थितविप्रणाशान् कालो ग्रहैः सप्तभिरेव सप्त ॥ ५८ ॥

Nhờ vào bảy con voi tức là bảy chi phần của sự giác ngộ, Nanda đã nghiền nát toàn bộ bảy sự ô nhiễm tiềm tàng* ở trong tâm; tương tự như việc thàn chết, với bảy thiên thể, đã nghiền nát bảy hòn đảo vào lúc thời điểm hoại diệt của chúng đã chín muồi. (58)

अग्निद्रुमाज्याम्बुषु या हि वृत्तिः क्वन्धवाय्वग्निदिवाकराणां ।

दोषेषु तां वृत्तिमियाय नन्दो निर्वाणोत्पाटनदाहशोषैः ॥ ५९ ॥

Bởi vì, những phương thức của nước, gió, lửa, và mặt trời đã tác động đến lửa, cây cối, dầu, và nước như

thế nào, Nanda cũng đã áp dụng những phương thức ấy đối với các sự ô nhiễm như sự dục tấp, sự nhớ tịn gốc rễ, sự thiếu đốt, và sự làm cho khô ráo. (59)

इति त्रिवेगं विद्वथं त्रिवीचमेकाम्भस्तं पञ्चरथं द्विकूलं ।

द्विग्राहमष्टाङ्गवता प्लवेन दुःस्वार्णवं दुस्तरमुत्ततार ॥ ६० ॥

Như vậy, Nanda, nhờ vào con thuyền có tám chi phần, đã vượt qua đại dương của khổ đau, là đại dương rất khó vượt qua vì có ba luồng nước xoáy, ba con cá dữ, ba đợt sóng, một làn nước, năm giòng nước chảy, hai bờ biển, và hai con cá sấu.* (60)

अर्हत्त्वमासाद्य स सत्कियाहो निरुत्सुको निष्पणयो निराशः ।

विभीर्षिधुर्मीलमदो विरागः स एव धृत्यान्य इवावभासे ॥ ६१ ॥

Sau khi đạt đến quả vị A-la-hán, Nanda đã trở nên bực xúng đáng để kính trọng, vì không còn lòng khao khát, không còn sự yêu đương, không còn lòng mong mỏi, không có sợ hãi, không nổi sầu muộn, lòng kêu mạn giờ đã tan biến, và cũng không còn tình dục nữa. Nhờ vào lòng kiên định, Nanda hầu như đã trở thành một người khác. (61)

भ्रातुश्च शास्तुश्च तपानुशिष्ट्या नन्दस्ततः स्वेन च विक्रमेण ।

प्रशान्तचेताः परिपूर्णकार्यो याणीमिमामात्मगतां जगाद् ॥ ६२ ॥

Nhờ vào sự chỉ dạy của một người, vừa là anh vừa là thầy hướng dẫn, và nhờ vào lòng dũng cảm của chính bản thân, cho nên Nanda đã đạt được tâm ý an tịnh, tất cả mọi việc cần phải làm đã được hoàn tất tròn đủ, và đã nói lên lời cảm hứng phát xuất từ nội tâm như vậy: (62)

नमोऽस्तु तस्मै सुगताय येन हितैषिणा मे करुणात्मकेन ।

बहूनि दुःखान्यपवर्तितानि सुखानि भूपांस्युपसंहृतानि ॥ ६३ ॥

"Xin thành kính dành lễ Ngài là Đấng Thiện Thệ. Chính nhờ vào sự tế độ và lòng bi mẫn của Ngài mà con đã thoát khỏi mọi sự khổ đau và thành tựu được biết bao an lạc ". (63)

अहं ह्यनार्येण शरीरजेन दुःखात्मके वर्त्मनि कृष्यमाणः ।

निवर्तितस्तद्वचनाद्भुशेन दर्पान्वितो नाग इवाद्भुशेन ॥ ६४ ॥

"Bởi vì con đã bị kéo lôi vào đạo lộ đầy bản chất khổ đau do tư tưởng luyến ái thấp hèn, nhờ vào lời dạy của Ngài như cái móc kéo lên nên con nay đã thoát ra được; tương tự như chú voi ngồng nghênh được điều khiển bởi cái móc câu vậy ". (64)

तस्याज्ञया कारुणिकस्य शास्तुर्हृदिस्थमुत्पाटय हि रागशल्यं ।

अद्यैव तावत्सुमहत्सुखं मे सर्वक्षये किञ्चन निर्वृतस्य ॥ ६५ ॥

"Bởi vì nhờ vào sự hướng dẫn của Ngài, là vị thầy có lòng bi mẫn, mà con đã nhổ lên được mũi tên tình ái đang cắm ở tim. Và ngay giờ đây, đối với con còn có gì hơn là sự an lạc vô cùng lớn lao như vầy của Niết-bàn, với sự đoạn diệt tất cả mọi sự ô nhiễm. " (65)

निर्वाण्य कामाग्निमहं हि दीप्तं धृत्यम्बुना पावकमम्बुनेव ।

हृद् परं सांप्रतमागतोऽस्मि शीतं हिदं घर्मं इवावतीर्णः ॥ ६६ ॥

"Bởi vì, sau khi dập tắt được ngọn lửa ái tình đang bùng cháy nhờ vào giòng nước của sự kiên trì, tương tự như ngọn lửa tắt đi lúc gặp nước vậy. Giờ đây, con đang an

huàng một nỗi vui mừng tối thượng; tương tự như một người đang lội vào hồ nước mát lúc tiết trời đang ở vào thời kỳ nóng bức. " (66)

न मे प्रियं किञ्चन नाप्रियं मे न मेऽनुरोधोऽस्ति कुतो विरोधः ।

तयोरभावात्सुखितोऽस्मि सद्यो हिमातपाभ्यामिव विप्रमुक्तः ॥ ६७ ॥

"Bây giờ con không còn sự yêu đương, và cũng không còn sự ghét bỏ, cũng không còn nỗi thích thú, thì vấn đề không thích thú làm sao còn được; và khi cả hai điều ấy không còn hiện hữu con thật là hoan hỷ, tương chừng như rằng con đã thoát khỏi cảm giác nóng và lạnh vậy. " (67)

महाभयात्क्षेममिवोपलभ्य महावरोधादिव विप्रमोक्षः ।

महार्णवात्पारमिवाप्तवः सन्भीमान्धकारादिव च प्रकाशः ॥ ६८ ॥

"Giống như người có được sự bảo vệ an toàn khỏi sự nguy hiểm ghê gớm, hoặc như việc được thoát ra khỏi sự áp bức bạo tàn, hoặc việc rời khỏi con thuyền khi đã qua được bên kia bờ của đại dương, hoặc có được một ngọn đèn để thoát khỏi đêm đen đầy dẫy sự kinh hoàng. " (68)

रोगादिबारेभ्यमसह्यपाहणादिवानृण्यमनन्तसंख्यात् ।

द्विषत्सकाशादिव चापयानं दुर्भिक्षयोगाच्च यथा सुभिर्क्ष ॥ ६९ ॥

"Giống như việc được khỏe mạnh sau một cơn bệnh ngặt nghèo, như vừa trả xong một món nợ với một số lượng khổng lồ vô tận, như việc tránh xa khỏi nanh vuốt của kẻ thù nghịch, và như là thoát khỏi nạn đói kém và có bữa ăn ngon. " (69)

तद्वत्परां शान्तिमुगतोऽहं यस्यानुभावेन विनायकस्य ।

करोमि भूयः पुनरुक्तमस्मै नमो नमोऽर्हाय तथागताय ॥ ७० ॥

"Như thế ấy, con đã đạt đến sự Tịch-tĩnh tối thượng nhờ vào năng lực của Ngài là hướng dẫn viên. Một lần nữa, con xin lặp lại lời tán dương: Con xin hết lòng thành kính đánh lễ Ngài, là bậc A-la-hán, là Đấng Như lai." (70)

येनाहं गिरिमुपनीय रुक्मशृङ्गं

स्वर्गं च प्लवगवधूनिदशनेन ।

कामात्मा त्रिदिवचरीभिरङ्गनाभि-

निष्कृष्टो युवतिमये कलौ निमग्नः ॥ ७१ ॥

"Bởi vì, con đã là kẻ có bản chất đầy dục vọng ái tình, và đã bị sa lầy trong sự tâm tối do các nàng thiếu nữ gây nên, rồi đã được Ngài tế độ cho khi Ngài đưa con đến ngọn núi có đỉnh bằng vàng, và đến tận cung trời để được quan sát con khi cái cùng các nàng tiên nữ đang dạo chơi ở cõi thiên đường." (71)

तस्माच्च व्यसनपरादनर्थपङ्क्ता-

दुत्कृष्य कमशिथिलः करीव पङ्क्तात् ।

शान्तेऽस्मिन्विरजसि विज्वरे विशोके

सद्धर्मे वितमसि नैष्ठिके विमुक्तः ॥ ७२ ॥

"Rồi sau đó, khi đã cứu vớt con ra khỏi vùng lầy của bất hạnh, tránh xa khỏi những sự đam mê, giống như lời kéo con voi yếu ớt vì kiệt sức ra khỏi hố sâu. Giờ đây, con đã được giải thoát trong sự hoàn thiện của Giáo-

pháp tốt đẹp, thanh tịnh, không ô nhiễm, không nóng giận, không sầu muộn, và không mê mờ. " (72)

तं वन्दे परमनुकम्पकं महर्षिं

मूर्ध्नाहं प्रकृतिगुणज्ञमाशयज्ञं ।

संकुहं दशबलिर्न भिषक्प्रधानं

आतारं पुनरपि चास्मि संनतस्तं ॥ ७३ ॥

"Con xin đề đầu đánh lễ Ngài, bậc Đại Ấn-đi có lòng từ bi cao cả, bậc hiểu biết được bản chất và tâm tánh đồng thời duyên nghiệp của chúng sanh, bậc Toàn Giác, Đấng Thập Lực, vị Đệ Nhất Lương-y, và là bậc hộ trì. Một lần nữa, con xin bày tỏ lòng tôn kính Ngài. " (73)

महाकाव्ये सौन्दरनन्देऽमृताधिगमो नाम सप्तदशः सर्गः ।

Chương thứ mười bảy "Chứng đạt sự Bất-tử"
của bộ trường thi "Soundarananda"